

## HỘI ĐOÀN KẾT SU SÃI YÊU NƯỚC VÙNG TÂY NAM BỘ VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

**Tóm tắt:** Hội Đoàn kết Su sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ là tổ chức của giới Chư tăng Phật giáo Nam tông Khmer, ra đời theo chủ trương của Khu ủy Tây Nam Bộ. Giai đoạn 1964 -1975, Hội được xem là tổ chức chính trị - xã hội tham gia ủng hộ các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Từ năm 1991, hoạt động của Hội có tính chất như một tổ chức xã hội - chính trị tham gia các hoạt động trên phương diện của đời sống xã hội. Qua 25 năm củng cố, tái lập và thành lập mới, Hội đã phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động Chư tăng và Phật tử Khmer thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt được nhiều kết quả thiết thực. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một số kết quả hoạt động hướng đến đời sống xã hội nhằm khẳng định vị trí, vai trò của Hội đối với cộng đồng người Khmer vùng Tây Nam Bộ trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Hội Đoàn kết Su sãi yêu nước; Khmer; Tây Nam Bộ.

### 1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Hội Đoàn kết Su sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ

Năm 1964, Khu ủy Tây Nam Bộ chủ trương thành lập Hội Su sãi yêu nước ở 03 cấp (huyện, tỉnh, khu) nhằm mục đích vận động Chư tăng và Phật tử Khmer tham gia phong trào cách mạng (sau đây gọi tắt là Hội). Hội là thành viên Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Khmer vận khu Tây Nam Bộ. Hội ở cấp khu do Hòa thượng Thạch Som, Phó Chủ tịch Mặt

---

\* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 15/11/2018; Ngày biên tập: 04/12/2018; Ngày duyệt đăng: 19/12/2018.

trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam khu Tây Nam Bộ làm Hội trưởng; Hòa thượng Sơn Vọng, Phó chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam làm Chủ tịch danh dự. Hoạt động của Hội với phương châm: “Muốn cứu đạo phải cứu nước. Không có độc lập dân tộc, không đánh thắng được đế quốc Mỹ xâm lược thì đạo pháp chân chính không thể tồn tại và phát triển được”<sup>1</sup>.

Sự thành lập tổ chức Hội các cấp được xem là một tất yếu của lịch sử, của khát vọng độc lập, thống nhất đất nước. Mặt khác, Hội cũng là tổ chức mang tính đối trọng với hai tổ chức do chính quyền Sài Gòn thành lập là Giáo hội Phật giáo Khemaranikay và Giáo hội Phật giáo Theravada. Giai đoạn 1964-1975, Hội được xem là tổ chức chính trị - xã hội trong giới Chư tăng Khmer và Phật tử Khmer; hoạt động như một tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị; nội dung và phương thức hoạt động chủ yếu là tuyên truyền, vận động Chư tăng và Phật tử Khmer tham gia, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Sau 30/4/1975, các giáo phái khác nhau từ trước giải phóng đã tự tiêu vong và quay lại với phái gốc của mình là Mahanikaya. Tuy nhiên, “sau vụ bạo loạn tháng 11 năm 1976, rồi vụ án KC50 diễn ra năm 1985, tất cả làm cho tình hình hoạt động của Phật giáo Khmer bị chững lại. Thậm chí Phật giáo Khmer ở một số tỉnh bị tê liệt không còn hoạt động, như: Trà Vinh, Sóc Trăng...”<sup>2</sup>. Thời gian này, mặc dù *Hội Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ* đã chấm dứt hoạt động nhưng tại một số địa phương các tổ chức Hội vẫn còn duy trì hoạt động nhằm tập hợp, đoàn kết Chư tăng và Phật tử khắc phục hậu quả chiến tranh; đồng thời duy trì hoạt động của Phật giáo Nam tông Khmer (PGNTK).

Kết quả hoạt động của Hội trong giai đoạn 1964-1975 được Hòa thượng Dương Nhon nhận xét đánh giá như sau: “Phong trào đấu tranh chống Mỹ cứu nước của các vị sư sãi càng lên cao, đến mùa thu năm 1964, Hội Sư sãi yêu nước miền Tây Nam Bộ đã ra đời, do Đại đức Thạch Som làm Hội trưởng, là một tổ chức đoàn kết rộng rãi với các tôn giáo, dân tộc anh em, đấu tranh vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân... Có thể nói Hội Sư sãi yêu nước miền Tây Nam Bộ là sản phẩm trong sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ cứu nước của đồng bào Khmer và Sư sãi nói chung”<sup>3</sup>. Với những kết quả đã đạt được, “Phật

giáo Tiểu thừa Khmer đã được Trung ương cục Miền Nam tặng 2 Huân chương Giải phóng vì đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đó là vinh dự lớn lao mà chưa một tôn giáo nào có được hân hạnh đó”<sup>4</sup>.

Hội là tổ chức xã hội của giới Chư tăng PGNTK có mối liên hệ mật thiết với cộng đồng người Khmer nhưng lại không trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN). Năm 1981, các vị cao tăng PGNTK đại diện cho các tổ chức Hội ở vùng Tây Nam Bộ tham gia ủng hộ thống nhất Phật giáo Việt Nam, từ đó PGNTK trở thành 01 trong 09 tổ chức, hệ phái Phật giáo trực thuộc GHPGVN. Tại Đại hội Thống nhất Phật giáo cả nước, Hòa thượng Maha Sa Rây và Hòa thượng Thạch Som được suy tôn được làm Phó Pháp chủ; Hòa thượng Châu Mum được suy cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Phật giáo Việt Nam. GHPGVN đã trải qua 8 kỳ Đại hội, PGNTK ngày càng khẳng định vai trò, vị thế của mình trong ngôi nhà chung theo đường hướng: *Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*.

Từ năm 1991, thực hiện tinh thần Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI), các địa phương có đông đồng bào Khmer đã có chủ trương củng cố, tái lập và thành lập được 08 tổ chức Hội, với tên gọi mới là: *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước* (Hội ĐKSSYN). Sau hơn 25 năm hoạt động, Hội đã luôn nỗ lực dẫn thân đồng hành gắn bó cùng dân tộc, đoàn kết, năng động và có nhiều sáng kiến trong các hoạt động thi đua yêu nước, nhất là phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, sống tốt đời đẹp đạo*, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước, nâng cao vị thế của PGNTK nói chung, của Hội nói riêng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Song song với đó, tổ chức các cấp của Hội cũng được đánh giá là: “làm tốt công tác tổ chức các lớp học tiếng Khmer, chương trình Pali và chương trình Vini (Phật học); hoạt động đúng điều lệ theo phương châm “Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, tích cực tham gia tuyên truyền giáo dục, vận động sư sãi và đồng bào Phật tử thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hăng hái lao động sản xuất, nâng cao dân trí, giữ gìn văn hóa

truyền thống dân tộc, tham gia các phong trào cách mạng tại địa phương, góp phần tích cực vào việc xây dựng khối đại đoàn kết tôn giáo và dân tộc”<sup>5</sup>.

Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập quốc tế, tính cố kết cộng đồng, cũng như mối liên hệ giữa cá nhân Phật tử Khmer với nhà chùa, với chức sắc, với Chư tăng PGNTK có chiều hướng giảm sút; các nghi lễ tôn giáo dần dần có xu hướng chuyển sang giải quyết các vấn đề “trần tục”. Đây này là nguyên nhân, cũng là hậu quả dẫn đến sự các biểu hiện khác thường trong hoạt động tôn giáo mang tính truyền thống của cộng đồng người Khmer. Dù biết rằng, các biểu hiện của sự biến đổi trong đời sống tôn giáo là xu thế chung, nhưng cần lưu ý đề hạn chế và ngăn chặn những biểu hiện có tính “trần tục hóa”, “chính trị hóa” trong một bộ phận Chư tăng Khmer đang được bộc lộ ở một số phương diện của đời sống xã hội, trong đó, không loại trừ việc một bộ phận Chư tăng trẻ tham gia các tổ chức có hoạt động đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc, như: *Hội Tăng sinh Khmer tỉnh Trà Vinh, Hội bảo trợ Phật học và văn hóa Khmer huyện Trà Cú, Hội Tăng sinh Khmer vòng hoa lái, Hội Giáo viên yêu nước chùa Xoài Xiêm mới*, hoặc xa hơn là các tổ chức: *Hiệp hội Khor-me Krom ở Campuchia, Hội Khor-me Krom ở hải ngoại, Liên đoàn Khor-me Kampuchia Krom*, v.v...

Mặc khác, có thể nhận thấy rằng: Hoạt động lợi dụng PGNTK để chống phá cách mạng Việt Nam được thực hiện chủ yếu trên 04 yếu tố: (1) Tôn giáo; (2) Quan hệ dân tộc - tộc người; (3) Lịch sử và địa - chính trị; (4) Hạn chế trong việc thực hiện chủ trương, chính sách. Đây là vấn đề có tính chất phức tạp và dễ gây mất an ninh chính trị, do đó, cần phải nhìn nhận và đánh giá đúng những biểu hiện chống phá một cách khách quan, khoa học, đồng thời nâng cao công tác nắm bắt tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

Nhìn chung, Tây Nam Bộ là vùng đa dân tộc và nhiều tôn giáo, vấn đề dân tộc - tôn giáo luôn có sự đan xen, thâm thấu vào nhau, cái này là nguyên nhân của cái kia và ngược lại, hoặc nếu cái này là “cái toàn bộ” thì cái kia là “cái bộ phận”, và ngược lại. Xu hướng biến đổi trong

đời sống tôn giáo trong cộng đồng người Khmer là từ rời rạc lên chặt chẽ, từ chưa tiến bộ lên văn minh. Sự biến đổi này là phù hợp với thời đại và xu thế chung nhưng cũng cần thấy rằng, tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã len lỏi ngày càng sâu rộng vào đời sống tôn giáo. Xu hướng Phật giáo “nhập thế” ngày càng được thể hiện rõ hơn qua việc các vị Chư tăng tham gia hoạt động gắn liền với các phương diện của đời sống xã hội. Tất nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần lưu ý để hạn chế và ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến lợi ích của quốc gia, dân tộc trong một bộ phận Chư tăng Khmer. Đồng thời, phát huy những biểu hiện tích cực giúp cho PGNTK tiếp tục thực hiện tốt phương châm hành đạo: *Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*, với mục tiêu: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*.

## **2. Một số kết quả hoạt động hướng đến đời sống xã hội của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước**

Vùng Tây Nam Bộ được xem là vùng giàu tiềm năng, nhưng theo kết quả nghiên cứu khoa học thì vùng Tây Nam Bộ đang tồn tại “năm” cái nhất so với các vùng miền trên cả nước là: “nghèo nhất, lạc hậu nhất, trình độ học vấn thấp nhất, cơ sở hạ tầng kém nhất và hưởng thụ an sinh xã hội kém nhất”<sup>6</sup>. Cụ thể, trước và trong giai đoạn 1991-2000, “kinh tế của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ còn chậm phát triển, ở vùng sâu, vùng xa, vùng ngập lụt, có nơi còn lạc hậu, nhiều khó khăn thiếu thốn; kinh tế chủ yếu vẫn là tự cung tự cấp, các hộ thuộc diện nghèo chiếm tỷ lệ cao so với một số vùng khác: (1) Ở vùng Tây Nam Bộ, số hộ thuộc diện nghèo chiếm 39,6%, số hộ giàu chỉ chiếm 3%, số hộ khá chiếm khoảng 12%; (2) Dân trí đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nam Bộ cũng thấp so với mặt bằng chung, số có trình độ đại học chiếm tỉ lệ rất thấp”<sup>7</sup>.

Điều đó cho thấy, đời sống của người Khmer còn rất khó khăn nên việc thực hiện các hoạt động thiện nguyện - từ thiện xã hội còn rất hạn chế, thậm chí không được thực hiện trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, khi cuộc sống của người Khmer được cải thiện, cụ thể là: “Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng giảm từ 14,18% cuối năm 2001 và còn 3,54% vào cuối năm 2015. Riêng tỷ lệ hộ nghèo dân

tộc cuối năm 2001 là 35,61% giảm còn 29,59% vào cuối năm 2005 và tiếp tục giảm, còn 13,01% vào cuối năm 2015 (theo tiêu chí cũ) và hiện còn trên 21% đến cuối năm 2016 (theo tiêu chí mới)<sup>8</sup> thì các vị Chư tăng Khmer đã dần dần phát huy được tinh thần và giá trị của việc bố thí trong Phật giáo. Thông qua Hội ĐKSSYN, các vị Chư tăng đã bắt đầu quan tâm đến các hoạt động thiện nguyện - từ thiện xã hội. Đây là biểu hiện mới trong PGNTK, trong đó Hội ĐKSSYN là chủ thể thực hiện các hoạt động hướng đến đời sống xã hội đã và đang mang lại những kết quả thiết thực. Chúng tôi điếm qua một số kết quả như sau:

*Tỉnh Trà Vinh*, Hội ĐKSSYN nhiệm kỳ 2008-2013 vận động được “hơn 6 tỷ đồng”<sup>9</sup>, nhưng trong nhiệm kỳ 2013-2018, Hội đã tích cực vận động được hơn “58,2 tỷ đồng thực hiện công tác từ thiện xã hội”<sup>10</sup>. *Tỉnh Sóc Trăng*, “trong 5 năm (2005-2012) đã thực hiện công tác từ thiện xã hội được 4,683 tỷ đồng và trên 80 tấn gạo, vận động Phật tử và các chùa hiến 27.600 m<sup>2</sup> đất để xây dựng trường học, làm giao thông”<sup>11</sup>, nhưng đến cuối nhiệm kỳ 2012-2017, Hội ĐKSSYN Tỉnh đã vận động được hơn “19,68 tỷ đồng và trên 100 tấn gạo”<sup>12</sup>. *Tỉnh Kiên Giang*, từ năm 2005 đến 2014, “Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước các cấp đã vận động sư sãi, đồng bào Khmer đóng góp trên 10 ngàn ngày công lao động, sửa chữa làm mới hàng chục ngàn mét đường, bắc mới 136 cây cầu bê tông, xây cất 723 căn nhà đại đoàn kết, bóc khoảng 600 ngàn thang thuốc nam với số tiền đóng góp gần 20 tỷ đồng”<sup>13</sup>; riêng trong năm 2015 “các Chi hội đã vận động được hơn 6,5 tỷ đồng”<sup>14</sup>. Song song với đó, nhiều vị cao tăng Khmer là những tấm gương tiêu biểu, đi đầu trong các hoạt động thiện nguyện - từ thiện xã hội, như: Hòa thượng Trần Nhíp ở Kiên Giang đã vận động sư sãi, Phật tử, các mạnh thường quân tham gia sửa chữa và bê tông hóa trên 15 km đường nông thôn, bắc mới 112 cây cầu nông thôn với số tiền trên 10 tỷ đồng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III và nhiều bằng khen, giấy khen, v.v...

Mặt khác, Hội ĐKSSYN có những hoạt động tuyên truyền góp phần ổn định an ninh chính trị tại các địa phương. “Từ 2008 đến nay, tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức tuyên truyền được 11 cuộc với hơn 4.500 lượt

người nghe. Tỉnh Trà Vinh, bằng nhiều hình thức, các vị trụ trì và Ban Quản trị chùa thực hiện lồng ghép tuyên truyền các nội dung văn bản có liên quan đến dân tộc, tôn giáo cho Phật tử vào 4 ngày quy y, thọ giới trong tháng của Phật giáo Nam tông Khmer (ngày 8, 15, 23 và 30 mỗi tháng). Tỉnh Bạc Liêu (2009-2013) tổ chức được 29 cuộc, với 3.350 lượt người và ở Hậu Giang có 6.000 người dự nghe về lược sử vùng đất Nam Bộ<sup>15</sup>. “Vĩnh Long từ khi thành lập đến nay, Hội đã phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền được 10 cuộc với trên 700 lượt người dự. Ngoài ra, các tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khmer cũng có phối hợp tốt công các tổ chức tuyên truyền hàng năm của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ trong sư sãi, Ban Quản trị chùa và đồng bào Khmer”<sup>16</sup>.

Đặc biệt, Hội ĐKSSYN tỉnh Sóc Trăng đã phối hợp với các ngành chức năng giải quyết có hiệu quả vụ việc phức tạp xảy ra tại Trường Bỏ túc Văn hóa - Trung cấp Pali Nam Bộ (8/2/2007) và tại các chùa Praey Chóp, chùa Tà Sết (5/2013). Hội ĐKSSYN tỉnh Kiên Giang tham gia vận động giải quyết có hiệu quả các vụ việc phức tạp liên quan đến sư sãi và đồng bào Khmer, điển hình như: vụ tranh chấp đất đai ở chùa Láng Cát (Tp. Rạch Giá), chùa Sóc Xoài (Hòn Đất), chùa KhLang Mương (Châu Thành), chùa Kinh 2 (Vĩnh Thuận). Hội ĐKSSYN tỉnh Bạc Liêu giải quyết tốt mâu thuẫn nội bộ giữa Phật tử và Ban Quản trị chùa Cù Lao (xã Hưng Hội) trong việc di dời 06 tháp cốt nhỏ vào một tháp cốt lớn; việc đền bù, giải tỏa hàng rào chùa Mới (thị trấn Hòa Bình). Bên cạnh đó, Hội còn kết hợp với chính quyền và các cơ quan chức năng tại địa phương xây dựng mô hình 66 tổ Tự quản trong dòng tộc, với 1.280 thành viên tham gia, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu dân cư, khóm ấp.

Ngoài ra, trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã xuất hiện nhiều tấm gương có uy tín gương mẫu, tiêu biểu, như: Hòa thượng Đào Như, Hòa thượng Tăng Nô, Hòa thượng Thạch Sok Xane, Hòa Thượng Thạch Hà, Hòa thượng Danh Nhưỡng, Hòa thượng Danh Đồng, Hòa thượng Trần Nhíp, Thượng tọa Danh Dỗ, Thượng tọa Danh Nhuôl... vì đã nhiệt tình hỗ trợ cơ quan Công an và các ban ngành thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Chư tăng và đồng bào Khmer thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước. Đáng chú ý,

“Đại đức Hữu Trung, chùa Cao Dân (Tân Lộc, Thới Bình, Cà Mau) đã phát hiện và chủ động đấu tranh, vận động đồng bào dân tộc không tin vào lời kích động, lôi kéo của đối tượng xấu tuyên truyền, kích động tư tưởng hận thù dân tộc giữa người Khmer và người Kinh...”<sup>17</sup>.

### **3. Một số biểu hiện ảnh hưởng đến hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ**

#### **3.1. Biểu hiện về sự trẻ hóa và giảm sút đội ngũ Chư tăng Khmer**

Giáo lý, giáo luật của Phật giáo Nam tông đã ăn sâu vào đời sống tinh thần và đã trở thành nếp sống của người Khmer. Chùa chiền, Chư tăng và những nghi thức lễ hội đã trở thành “máu thịt” của cộng đồng người Khmer. Một điều hiển nhiên với người Khmer là sự tôn kính Chư tăng vì họ cho rằng Chư tăng chính là sự hiện thân của Đức Phật. Đây là điểm tích cực mà cũng là điểm đáng lưu ý của tôn giáo này, trong đó biểu hiện của sự trẻ hóa các vị trụ trì là điều đáng quan tâm. Cụ thể, “số trụ trì có tuổi trung bình là 43, sư trẻ ở độ tuổi 20-30 nhiều gấp 2,05 lần số sư tuổi 31-40, gấp 3,9 lần số sư tuổi 41-50, gấp 13 lần số sư tuổi 51-60 và gấp 5,57 lần số sư ở độ tuổi 61-70”<sup>18</sup>. Vấn đề trẻ hóa đội ngũ “trụ trì” sẽ dẫn đến hai khuynh hướng: (1) Sự trẻ hóa sẽ tạo ra được tính năng động sáng tạo, có nhiều điều kiện để tiếp xúc với các thành tựu khoa học kỹ thuật, nhạy bén với những cái mới; (2) Sự trẻ hóa sẽ dễ dẫn tới nguy cơ “chệch hướng”, bởi vì phần đông trình độ của các vị Chư tăng đều thấp, sự nhận thức về đạo pháp, về quốc gia, dân tộc, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước còn nhiều hạn chế.

Hạn chế về trình độ nhận thức nhưng yếu tố “năng động, sáng tạo” có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo và trở thành mối nguy hiểm trước mắt và lâu dài cho cộng đồng, cho đất nước, vì trong thực tế đã “có trên 1.000 sư sãi Khmer đi tu học nước ngoài (chủ yếu là Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka, Ấn Độ...), trong đó có 100 trường hợp đi hợp pháp. Đáng chú ý có trên 60 trường hợp bị tổ chức phản động lưu vong KKK đưa đi huấn luyện, đào tạo. Đồng thời, KKK có ý định thao túng các chùa Khmer ở bên ngoài (Mỹ, Australia, Thái Lan, Campuchia...) làm tụ điểm hoạt động chống phá hoặc “lánh nạn” khi trốn ra nước ngoài”<sup>19</sup>.



Đối với biểu hiện giảm sút Chư tăng Khmer, cuốn sách *Người Việt gốc Miên* của tác giả Lê Hương cho thấy số lượng chùa Khmer ở Nam Bộ những năm 1960 có khoảng 500 chùa... Vào những năm 1970-1975, có chùa mỗi năm có khoảng 500 vị Chư tăng tu học. Nhưng hiện nay số lượng Chư tăng giảm nhiều; số lượng Chư tăng giảm đồng nghĩa với việc thanh thiếu niên hiện nay do những điều kiện nhất định đã không còn vào chùa đi tu nhiều như trước. Hơn nữa, thời gian tu tập ở chùa thường là không đủ lâu để thanh niên đó khi “xuất tu” có đủ những kiến thức nhất định trở thành trụ cột khi lập gia đình. Nói theo cách nhà chùa, người này “Phật tính” chưa cao, nên sau khi trở về với cuộc sống đời thường rất dễ sa vào các tệ nạn xã hội, hoặc sự tôn trọng của người dân có phần nào ít đi.

Bên cạnh đó, trong bài viết của tác giả Trần Hồng Liên (2014), *Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer ở tỉnh Trà Vinh*, cũng cho thấy: “Tình trạng thanh thiếu niên vào tu học trong chùa theo tập quán truyền thống, với thời gian tối thiểu là 3 năm hiện nay đã thay đổi. Thời gian vào tu học trong chùa ngày nay đôi khi chỉ còn 3 ngày”<sup>20</sup>. Theo kết quả khảo sát thì: “Độ tuổi sư trụ trì đang trẻ hóa. Tuổi bình quân của sư trụ trì là 43; Sư trong độ tuổi 20 - 30 chiếm 39%,... Bình quân số lượng sư trong một chùa từ năm 1975 đến tháng 12/2013 có nhiều thay đổi: Năm 1975: 29 sư/chùa; năm 1985 là 19 sư/chùa; năm 1995 là 16 sư/chùa; năm 1999 là 19 sư/chùa; tháng 6/2004 khoảng 20 sư/chùa; tháng 12/2013 là 21 sư/chùa”<sup>21</sup>. Sự giảm sút số Chư tăng Khmer dẫn đến hệ quả là các vị trụ trì ngày càng được trẻ hóa, và một số địa phương thiếu người làm trụ trì.

Nhìn chung, những người muốn suốt đời chăm lo tu tập Phật Pháp có xu hướng giảm dần. Hầu hết thanh niên đi tu không hoàn toàn mang đầy đủ ý nghĩa như trước mà chủ yếu là làm cho xong “nghĩa vụ” với nhà chùa, gia đình và phum, sóc. Tình trạng tu tập ngày càng ít có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản nhất vẫn xuất phát từ kinh tế gia đình. Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu ổn định cuộc sống, nhu cầu hưởng thụ cũng được tăng theo. Thanh niên Khmer ngày nay phải tranh thủ lao động để nuôi sống bản thân và gia đình, chăm lo đời sống kinh tế, mặt khác, họ còn nhận thức rằng, vào

chùa tu không phải là cách duy nhất để con cái báo hiếu cho cha mẹ, mà “đi làm để phụng dưỡng cha mẹ, ông bà cũng là cách báo hiếu”. Cùng theo đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, mọi lĩnh vực trong đời sống con người đều có bước nhảy vọt, xu thế toàn cầu hóa thể hiện ngày càng rõ nét. Điều kiện đó đòi hỏi con người phải hết sức năng động, nhanh nhạy nắm bắt vấn đề trong cuộc sống.

### **3.2. Biểu hiện về cải giáo của một bộ phận người Khmer**

Khi nghiên cứu về biểu hiện này, Nguyễn Mạnh Cường trong nghiên cứu *Phật giáo Khmer Nam Bộ - Những vấn đề nhìn lại* cho rằng, “khi vừa chào đời mặc nhiên người Khmer đã được xem là một tín đồ Phật giáo. Người Khmer Nam Bộ từ bé đã được cha mẹ giáo dục nếp sống theo triết lý, lối sống của đạo Phật, bởi thế người Khmer con tiếp cha, đời tiếp đời sống trong niềm tin theo triết lý Phật giáo”<sup>22</sup>. Tuy nhiên, tôn giáo là một hiện tượng xã hội, nên nó “thường biến đổi chậm so với cơ sở kinh tế, xã hội mà nó sinh ra. Tính lạc hậu, bất cập và lỗi thời khiến nhiều hình thức tôn giáo tín ngưỡng bộc lộ mặt phản giá trị và trở thành lực lượng kìm hãm sự phát triển xã hội”<sup>23</sup>. Điều đó cho thấy vấn đề giảm thực hành tôn giáo truyền thống và cải giáo là vấn đề mang tính tất yếu.

Nhìn chung, việc cải giáo của một bộ phận người Khmer có thể là do không gian xã hội của cá nhân ngày càng mở rộng đã tạo điều kiện tiếp nhận thêm những giá trị của các tôn giáo, phù hợp với tâm lý, sở thích của từng cá nhân. Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009 thì người Khmer hiện có mặt trên tất cả 63 tỉnh, thành trong cả nước, với 1.260.640 người; riêng vùng Tây Nam Bộ có 1.183.476, còn lại 77.164 người sống tập trung ở một số tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh; trong đó, có hơn 4.000 người sống rải rác ở vùng Trung du miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung Bộ - duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên.

Đặc biệt, theo thống kê của các địa phương vùng Tây Nam Bộ, tính đến năm 2016 có 4.776 hộ gia đình, với 14.524 nhân khẩu (trong đó có hộ người Khmer) do cuộc sống khó khăn nên phải rời quê hương đến các khu công nghiệp, khu chế xuất tại các thành phố lớn để tìm kiếm việc làm mong để có cơ may thay đổi cuộc sống. Mặc khác, từ

năm 1991 đến nay, hiện tượng phụ nữ Khmer kết hôn với người nước ngoài ngày càng nhiều, ví dụ: “Bạc Liêu có 156 trường hợp, Cà Mau: 198 trường hợp, Vĩnh Long: 50 trường hợp và Thành phố Cần Thơ: 27 trường hợp”<sup>24</sup>. Đây cũng là nguyên nhân gián tiếp hoặc trực tiếp dẫn đến việc cải giáo người Khmer trong thời gian gần đây.

Nhìn chung, dù đạo Tin Lành và Công giáo chưa truyền giáo mạnh vào vùng dân tộc Khmer như ở các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, nhưng hiện nay nhiều người Khmer đi lao động ở nước ngoài và làm công nhân tại các khu công nghiệp ở trong nước cũng là vấn đề đáng quan tâm trong việc thực hành tôn giáo. Trong bài viết: “Phật giáo Nam tông Khmer ở Kiên Giang - Những biến đổi trong đời sống hiện nay” của tác giả Danh Lãm, chúng tôi rất bất ngờ khi thấy con số gần 19.000 người Khmer bỏ đạo truyền thống để theo các tôn giáo khác, trong đó, “có 17.810 người theo Phật giáo hệ phái Bắc tông và Khất sĩ, 422 người theo Công giáo, 54 người theo đạo Cao Đài, 33 người theo Phật giáo Hòa Hảo, 562 người theo đạo Tin Lành, 43 người theo Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam”<sup>25</sup>. Xét về giá trị truyền thống của người Khmer gắn liền với Phật giáo Nam tông từ nhiều thế kỷ thì đây là biểu hiện mới vì người Khmer lâu nay ít chịu ảnh hưởng bởi triết lý của các tôn giáo khác. Qua khảo sát thực tế, các nguyên nhân dẫn đến một bộ phận người Khmer bỏ tôn giáo truyền thống để theo tôn giáo khác chủ yếu là:

(1) Do một bộ phận đồng bào Khmer còn khó khăn về kinh tế, dân trí thấp nên đã chấp nhận từ bỏ đạo truyền thống để theo tôn giáo khác nhằm có được những lợi ích vật chất trước mắt. Ngoài ra, việc chuyển đổi niềm tin tôn giáo của thanh niên Khmer lao động xa quê còn diễn ra dưới các dạng: (i) Chủ sử dụng lao động là người của tôn giáo khác truyền đạo cho người lao động thuộc đơn vị mình quản lý; (ii) Nhóm truyền đạo tìm cách tiếp xúc, thâm nhập vào nơi có đông thanh niên Khmer lao động xa quê. Dù không được cho phép, họ vẫn đến các nhà trọ gửi giấy mời dự thánh nhạc truyền giảng, tổ chức gặp gỡ, tổ chức sinh hoạt tôn giáo thích hợp, tổ chức hỗ trợ không kèm điều kiện nhưng có mục đích cuối cùng là truyền đạo, thúc đẩy gia nhập tôn giáo; (iii) Chuyển đổi niềm tin tôn giáo do hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

(2) Nội dung giáo lý, giáo luật và hình thức thực hành tôn giáo của các tôn giáo khác có nhiều sức hấp dẫn, đơn giản, mang tính dân chủ và phù hợp với thời gian lao động của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(3) Một số nơi, chức sắc, Chư tăng PGNTK là người đứng đầu cơ sở thờ tự, đứng đầu tổ chức thiếu sự quan tâm đến cuộc sống của Phật tử; chưa gần gũi và tạo được niềm tin thông qua các hoạt động thiện nguyện - từ thiện xã hội để giúp đỡ người nghèo khi gặp khó khăn, thiếu thốn hoặc khi bị thiên tai trong cuộc sống.

Mặc dù một bộ phận người Khmer bỏ tôn giáo truyền thống để theo tôn giáo khác, nhưng qua quan sát thực tiễn thì họ vẫn đi chùa và tham gia các ngày lễ hội gắn với truyền thống dân tộc. Do đó, không thể không quan tâm đến việc người Khmer chuyển đổi niềm tin tôn giáo do bị lôi kéo, tác động, vì lợi ích kinh tế trước mắt hoặc do các thế lực lôi kéo nhằm thực hiện mục đích chính trị. Mặc khác, với con số 4.433 người Khmer theo các tôn giáo khác ổn định từ nhiều năm nay, trong đó số theo đạo “Tin Lành là 2.153, Công giáo: 2.186, Cao Đài: 78, Baha’i: 34”<sup>26</sup> cho thấy những biểu hiện như trường hợp tại tỉnh Kiên Giang cũng đã và đang diễn ra ở khắp các địa phương có người Khmer sinh sống. Vấn đề này rất cần một cuộc điều tra, khảo sát để có số liệu cơ bản để có những đánh giá đúng bản chất của sự biến đổi tôn giáo trong cộng đồng người Khmer một cách khách quan và khoa học.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cùng với sự đổi mới về chính sách tôn giáo ở Việt Nam, dự báo số người Khmer chuyển đổi niềm tin tôn giáo có thể tiếp tục tăng và sẽ là điều kiện xuất hiện “thị trường tôn giáo” ở vùng Tây Nam Bộ. Một bài học kinh nghiệm ở Trung Quốc trong những năm gần đây là: “... đi kèm với sự phục hưng của Phật giáo là những biểu hiện thiếu lành mạnh, như: tha hóa, biến thái, đánh mất những đặc tính truyền thống, mưu cầu lợi ích kinh tế, thương mại hóa, thế tục hóa...”<sup>27</sup>. Tuy nhiên, xét về lâu dài, các tôn giáo khác khó có thể trở thành tôn giáo chủ lưu thay cho Phật giáo Nam tông trong cộng đồng người Khmer do nền tảng giáo lý của tôn giáo này đã in sâu trong đời sống tôn giáo qua nhiều thế hệ người

Khmer ở vùng cực Nam của Tổ quốc nên sẽ hạn chế sự phát triển của các tôn giáo khác.

Thế nhưng, nếu đúng như dự báo thì sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến tình cảm, tâm lý và tác động trực tiếp đến tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống; tạo nên sự vênh về văn hóa, tôn giáo của các thế hệ trong một gia đình, các gia đình trong một phum/sóc hoặc gây sự hiểu lầm xa cách, mất đoàn kết nội bộ; thậm chí dẫn đến xung đột trong gia đình, dòng họ anh em với nhau và giữa người Khmer theo tôn giáo truyền thống với người Khmer theo các tôn giáo khác; rộng hơn là sự va chạm, thậm chí là xung đột trong mối quan hệ giữa các tôn giáo. Song song với đó, nó còn tác động đến chính sách đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, tạo ra sự phát triển không cân bằng và bền vững ở vùng đất vốn tiềm ẩn những yếu tố làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị.

Tóm lại, trong điều kiện kinh tế thị trường, các tôn giáo đều có sự biến động. Các chức sắc, Chư tăng PGNTK tưởng chừng như xa rời đời sống thế tục, gắn với thực hành thiền định nhưng lại tỏ ra khá nhập thế. Nếu căn cứ theo 10 điều cấm trong giới luật của Phật giáo Nam tông (*không trộm cắp; không tà dâm; không nói láo; không uống rượu; không ăn ngoài bữa; không xem múa hát; không dùng đồ trang sức; không chiếm ghế cao và giường nệm; không đung đến vàng bạc*) thì một bộ phận có cuộc sống xa hoa hiện đại, không giữ đời sống tu trì thanh tịnh và tiết kiệm. Giới Chư tăng trẻ ngày nay phải vừa học Phật, vừa học Thế nên mọi khía cạnh của đời sống tu hành dường như đều có nhuộm màu thế tục hóa.

Mặt khác, những biểu hiện về sự trẻ hóa, giảm sút số lượng đội ngũ Chư tăng và chuyển đổi niềm tin tôn giáo của một bộ phận người Khmer không chỉ ảnh hưởng đến niềm tin tôn giáo mà còn ảnh hưởng đến hoạt động của PGNTK nói chung, Hội ĐKSSYN nói riêng. Do đó, các vị Chư tăng cần nhận thức đúng đắn tính tiêu cực và tích cực của vấn đề “thế tục hóa” để tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của PGNTK đối với cộng đồng người Khmer trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng vì thế tục hóa đang đồng nghĩa với sự suy thoái, đánh mất dần tính thiêng, suy giảm niềm tin tôn giáo, v.v...

Các biểu hiện như đã nêu trên nếu tham chiếu với nhận định của các nhà tư tưởng lớn của thế kỷ 19, 20, như: “Auguste Comte, Herbert Spencer, Karl Marx, Émile Durkheim, Max Weber và Sigmund Freud, tất cả đều cho rằng với sự phát triển của xã hội công nghiệp, tôn giáo sẽ mất dần tầm quan trọng và sẽ không còn ý nghĩa đối với xã hội hiện đại”<sup>28</sup> thì rõ ràng PGNTK có nguy cơ lép vế và có xu hướng nhường chỗ cho các tôn giáo khác nếu như “thị trường tôn giáo” phát triển ở vùng dân tộc Khmer. Bởi lẽ, theo lý thuyết thể tục hóa, sự suy giảm của tôn giáo tập trung vào hai điểm chính: *Một*, sự hình thành một thể giới quan duy lý dẫn đến sự xói mòn niềm tin tôn giáo. *Hai*, sự chuyên biệt hóa chức năng xã hội trong xã hội công nghiệp dẫn đến sự suy yếu chức năng của các tổ chức tôn giáo đối với đời sống xã hội và hệ lụy của nó là sự suy yếu của chính tôn giáo<sup>29</sup>.

### **Kết luận**

Vấn đề đoàn kết được V. I. Lênin nêu rõ: “Bất cứ sự bất đồng nào, ngay cả một sự bất đồng không đáng kể, cũng có thể nguy hiểm về mặt chính trị”<sup>30</sup>. Vận dụng tư tưởng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, *đoàn kết thống nhất là nguồn gốc của sức mạnh, là then chốt của thành công*. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “*Đoàn kết là một lực lượng vô địch*”<sup>31</sup>, “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”<sup>32</sup>. Đối với tổ chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “*Muốn đoàn kết toàn dân, cần phải có một đoàn thể rộng lớn, rất độ lượng thì mới có thể thu hút được mọi đoàn thể và cá nhân có lòng tha thiết yêu nước, không phân biệt tuổi tác, trai gái, tôn giáo, nghề nghiệp...*”<sup>33</sup>.

Dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp cách mạng của quần chúng nhân dân, cho nên ra sức chăm lo và phát triển các tổ chức quần chúng. Bên cạnh việc phát huy vai trò của các hội truyền thống đã có, Đảng đã lập ra nhiều hội yêu nước và cách mạng”<sup>34</sup>. Giai đoạn 1964 - 1975, *Hội Suối yếu nước* tồn tại với tư cách một tổ chức chính trị - xã hội đã thể hiện rõ vai trò của mình trong các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, tổ chức Hội ở một số địa phương tồn tại với tư cách là tổ chức xã hội quần chúng nhằm tập hợp Chư tăng và Phật tử Khmer đoàn kết khắc phục hậu quả chiến tranh. Năm 1981, Hội Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ (với tư cách là tổ chức của giới Chư tăng PGNTK đã từng tồn tại trong giai đoạn 1964 -1975) đại diện cho các tổ chức Hội vùng Tây Nam Bộ, đại diện cho tín đồ PGNTK thống nhất hoạt động trong ngôi nhà chung của GHPGVN với đường hướng: *Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*.

Tuy nhiên, do tính biệt truyền của mỗi hệ phái nên Chư tăng và Phật tử Khmer phần lớn sinh hoạt gắn bó với các tổ chức Hội tại các địa phương. Đa số các vị Chư tăng và Phật tử Khmer xem Hội như là tổ chức “Giáo hội”. Trải qua quá trình lịch sử, Hội vẫn mặc nhiên tồn tại và phát huy vai trò của mình đối với cộng đồng dân tộc Khmer. Do vậy, việc duy trì các tổ chức Hội là vấn đề tồn tại của lịch sử, là vấn đề khách quan, là sự lựa chọn duy lý của cộng đồng người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ.

Mặc khác, ngoài việc giúp cho GHPGVN thực hiện công tác Phật sự đối với hệ phái Nam tông Khmer, Hội còn có ảnh hưởng sâu rộng và chi phối tư tưởng tình cảm và nếp sống đạo của mỗi Phật tử; tập hợp, đoàn kết, vận động đồng bào cùng chung tay xây dựng đời sống cộng đồng, tuân thủ luật pháp, gắn bó và đồng hành với dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng người Khmer. Tóm lại, tuy không liệt kê đầy đủ tất cả kết quả hoạt động của các tổ chức Hội ở vùng Tây Nam Bộ nhưng nhìn tổng thể chúng tôi rút ra một số nhận xét:

*Một là*, với tư cách là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoạt động của Hội đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy công cuộc đổi mới đất nước một cách toàn diện, thúc đẩy sự phát triển của xã hội;

*Hai là*, với tư cách là hội quần chúng, là thành tố của hệ thống chính trị, qua 25 năm hoạt động, Hội đã hỗ trợ đất lực cho công cuộc xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị, giúp hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh;

Ba là, với tư cách là tổ chức xã hội quần chúng, hoạt động của Hội trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển con người mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ đó, có thể khẳng định rằng, sự tồn tại của các cấp Hội là rất quan trọng đối với sự phát triển của cộng đồng người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ. Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, cộng đồng người Khmer càng phải đối mặt với những khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4. Việc tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời, giúp cho PGNTK nói chung, các tổ chức Hội nói riêng cần tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, khẳng định vị trí, vai trò của mình trong việc bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống nhằm góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là vấn đề rất thiết thực. /.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Ban Dân vận Trung ương - Cơ quan Thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh (20/05/2014), Tài liệu Tọa đàm *Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp*, tr. 2.
- 2 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Vài nét về người Khmer Nam bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 83.
- 3 Trần Hồng Liên (1966), *Phật giáo Nam bộ từ thế kỷ 17 đến 1975*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 113.
- 4 Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông, tr. 131.
- 5 Ban Cán sự Đảng ủy Ban Dân tộc (2017), *Báo cáo Tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khome*, số 108, Hà Nội, tr. 7.
- 6 Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và Thành ủy Cần Thơ (2014), Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL - 30 năm nhìn lại*”, Cần Thơ, tr. 448.
- 7 Võ Thị Hồng Hoa (2014), “Tăng cường đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ (1986 -2006)”, *Lịch sử Đảng*, tr. 85.
- 8 Ban Cán sự Đảng ủy Ban Dân tộc (2017), *Báo cáo Tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khome*, số 108, Hà Nội, tr. 4.
- 9 Ban Dân vận Tỉnh ủy Trà Vinh (2013), *Báo cáo thực trạng, tổ chức hoạt, động của Hội ĐKSSYN trong Phật giáo Nam tông Khmer*, số 23, Trà Vinh, tr. 6.
- 10 *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Trà Vinh, lần thứ VII nhiệm kỳ (2018-2023)*, Trà Vinh, tr. 14.



- 11 Ban Dân vận Tỉnh ủy Sóc Trăng (2013), *Báo cáo thực trạng, tổ chức hoạt, động của Hội ĐKSSYN trong Phật giáo Nam tông Khmer*, số 186, Sóc Trăng, tr. 5.
- 12 *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Sóc Trăng, lần thứ VIII nhiệm kỳ (2017-2022)*, Sóc Trăng, tr. 9.
- 13 Ban Dân vận Trung ương (2014), Tài liệu Tọa đàm *Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp*, Cần Thơ, tr. 33.
- 14 Hội ĐKSSYN tỉnh Kiên Giang (2016), *Báo cáo tổng kết công tác hoạt động năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016*, Kiên Giang, tr. 8.
- 15 Ban Dân vận Trung ương - Cơ quan Thường trú tại Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo thực trạng tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer*, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 9.
- 16 Ban Dân vận Trung ương (2014), Tài liệu Tọa đàm *Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp*, Cần Thơ, tr. 69.
- 17 *Báo cáo tình hình, kết quả công tác phát huy vai trò người có uy tín trong phong trào Toàn dân bảo vệ Tổ quốc khu vực Tây Nam Bộ giai đoạn 2008 - 2014*, Hà Nội, 2014, tr. 8-9.
- 18 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ Me Nam Bộ (những vấn đề nhìn lại)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 240-241.
- 19 Lê Hoàng Việt Lâm (2017), “Phát huy vai trò của người uy tín góp phần đảm bảo an ninh vùng dân tộc Khmer ở vùng Tây Nam Bộ” trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Những vấn đề dân tộc ở vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế* do Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ tổ chức, Cần Thơ, tr. 386.
- 20 Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer ở tỉnh Trà Vinh”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 05 (131), tr. 47-52.
- 21 Lê Quốc Lý (2017), *Chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tr. 230-231.
- 22 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khmer Nam Bộ - Những vấn đề nhìn lại*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 95.
- 23 Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 785.
- 24 *Báo cáo Tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đông bào dân tộc Khome của các địa phương: Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ*.
- 25 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Kỷ yếu Tọa đàm Khoa học Việt Nam – Thái Lan: Đối thoại văn hóa vùng*, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 213-227.
- 26 Ban Cán sự Đảng ủy Ban Dân tộc (2017), *Báo cáo Tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đông bào dân tộc Khome*, số 108, Hà Nội, tr. 14.
- 27 Phạm Thanh Hằng (2018), “Biến động trong các tôn giáo ở Trung Quốc và những tác động của nó đến đời sống xã hội”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 07 (175), tr. 128.

- 28 Nguyễn Phú Lợi (2018), “Một số lý thuyết nghiên cứu tôn giáo đương đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02 (170), tr. 11.
- 29 Nguyễn Phú Lợi (2018), “Một số lý thuyết nghiên cứu tôn giáo đương đại”, Bđd, tr. 11.
- 30 V. I. Lênin (1977), *Toàn tập, tập 42*, Nxb. Tiến bộ, Matxcova (Nga), tr. 336.
- 31 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 10*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 104.
- 32 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 119.
- 33 Hồ Chí Minh (2010), *Toàn tập, tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 452.
- 34 Thang Văn Phúc (2002), *Vai trò của các hội trong đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 42.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ (2014), *Tổng kết năm 2013 và chương trình công tác năm 2014*, số 155, Cần Thơ.
2. Ban Cán sự Đảng ủy Ban Dân tộc (2017), *Báo cáo Tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 108, Hà Nội.
3. Ban Dân vận Thành ủy Cần Thơ (04 /7/2013), *Báo cáo thực trạng, tổ chức hoạt động của Hội ĐKSSYN trong Phật giáo Nam tông Khmer*, số 134, Cần Thơ.
4. Ban Dân vận Tỉnh ủy Sóc Trăng (2013), *Báo cáo thực trạng, tổ chức hoạt động của Hội ĐKSSYN trong Phật giáo Nam tông Khmer*, số 186, Sóc Trăng.
5. Ban Dân vận Trung ương (2006), *Báo cáo Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 03, Hà Nội.
6. Ban Dân vận Trung ương - Cơ quan Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo thực trạng tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer*, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Ban Dân vận Trung ương (2014), *Tài liệu Tọa đàm Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp*, Cần Thơ.
8. Ban Dân vận Tỉnh ủy Trà Vinh (2013), *Báo cáo thực trạng, tổ chức hoạt động của Hội ĐKSSYN trong Phật giáo Nam tông Khmer*, số 23, Trà Vinh.
9. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và Thành ủy Cần Thơ (2014), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL - 30 năm nhìn lại*, Cần Thơ.
10. Bộ Công an (2014), *Báo cáo tình hình, kết quả công tác phát huy vai trò người có uy tín trong phong trào Toàn dân bảo vệ Tổ quốc khu vực Tây Nam Bộ giai đoạn 2008 - 2014*, số 486, Hà Nội.
11. Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông.
12. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ Me Nam Bộ - Những vấn đề nhìn lại*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Vài nét về người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Chi thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới*, Hà Nội.
15. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Tài liệu Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ VIII*, Tp. Hồ Chí Minh.
16. Phạm Thanh Hằng (2018), “Biến động trong các tôn giáo ở Trung Quốc và những tác động của nó đến đời sống xã hội”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 07 (175).
17. Võ Thị Hồng Hoa (2014), “Tăng cường đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ (1986 -2006)”, *Lịch sử Đảng*, Hà Nội.
18. Hội ĐKSSYN tỉnh Kiên Giang (2016), *Báo cáo tổng kết công tác hoạt động năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016*, Kiên Giang.
19. Hội ĐKSSYN tỉnh ủy Vĩnh Long (2015), *Văn kiện Đại hội Hội ĐKSSYN tỉnh Vĩnh Long, lần thứ II, nhiệm kỳ 2014 -2019*, Vĩnh Long.
20. Hội ĐKSSYN tỉnh Hậu Giang (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự - Xã hội cuối năm 2016 và phương hướng công tác nhiệm vụ Phật sự sáu tháng đầu năm 2017*, Hậu Giang.
21. Trần Hồng Liên (1966), *Phật giáo Nam bộ từ thế kỷ 17 đến 1975*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer ở tỉnh Trà Vinh”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 05 (131).
23. Nguyễn Phú Lợi (2018), “Một số lý thuyết nghiên cứu tôn giáo đương đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02 (170).
24. Lê Quốc Lý (2017), *Chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
25. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2010.
26. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 3, 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
27. Thang Văn Phúc (2002), *Vai trò của các hội trong đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Bạch Thanh Sang (2018), “Cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ với phong trào giải phóng dân tộc và giữ gìn bản sắc văn hóa tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 07 (175).
29. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh ( 2018), *Kỷ yếu tọa đàm khoa học Việt Nam - Thái Lan: Đối thoại văn hóa vùng*, Tp. Hồ Chí Minh.
31. *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Sóc Trăng, lần thứ VIII nhiệm kỳ (2017-2022)*, Sóc Trăng.
32. *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Trà Vinh, lần thứ VII nhiệm kỳ (2018-2023)*, Trà Vinh.
33. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ ( 2017), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Những vấn đề dân tộc ở vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế*, Cần Thơ.
34. *V. I. Lênin Toàn tập*, tập 42, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1977.

**Abstract****SOLIDARITY ASSOCIATION OF PATRIOTIC MONKS IN  
THE SOUTH WEST PART OF THE SOUTH VIETNAM WITH  
ACTIVITIES TOWARDS SOCIAL LIFE AND PROBLEMS****Bach Thanh Sang***Ho Chi Minh National Academy of Politics*

Solidarity association of patriotic monks in the Southwest was an organization of Khmer Theravada Buddhist monks. It was established by policy of the South West Regional Committee. In the period of 1964-1975, the Association was considered as a socio-political organization to participate in supporting the national liberation and unification movement. Since 1991, the Association has been similar a social-political organization with the activities on the aspect of social life. Over 25 years of consolidation, re-establishment, the Association has promoted the role of gathering, mobilizing monks and Khmer Buddhists to strictly follow the guidelines and policies of the Party and the laws of the State. And it has achieved many practical results. However, in this article, the author just mentions some activities towards social life in order to affirm the status and role of the Association of the Khmer community in the Southwest region in the context of international integration.

**Keywords:** Solidarity Association of Patriotic Monks; Khmer; Southwest; Vietnam.